

BẢO ĐẢM NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG THỜI KỲ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA - THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

HOÀNG MINH THIẾT
Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 06/5/2026. Sửa chữa xong 25/5/2026. Duyệt đăng 31/5/2026.

Abstract

The presumption of innocence is one of the fundamental principles of modern criminal procedure and is particularly important for protecting human rights and preventing wrongful convictions. In the context of accelerated scientific and technological development, innovation, and national digital transformation, criminal procedure is being strongly affected by artificial intelligence, big data, electronic evidence, and digital media, posing multiple challenges to ensuring this principle. This article analyzes these challenges and proposes solutions for improving the law and enhancing the protection of human rights in the digital justice environment.

Keywords: Artificial intelligence, criminal procedure, digital justice, digital transformation, electronic evidence, human rights, presumption of innocence.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm công lý, bảo vệ quyền con người và hạn chế oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự (TTHS) (Bộ Chính trị, 2022), (Bộ Chính trị 2005), (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2021). Đây không chỉ là nguyên tắc mang tính nền tảng của TTHS hiện đại mà còn là thước đo mức độ dân chủ, văn minh của nền tư pháp. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số (sự (Bộ Chính trị, 2022), (Chính phủ, 2022), (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Quá trình này đang tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Nhiều công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, blockchain, sinh trắc học và phân tích dữ liệu số đã và đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong hoạt động quản lý nhà nước và tư pháp hình sự ((Chính phủ, 2022), (Quốc hội, 2018), (Quốc hội, 2023). Việc số hóa hồ sơ vụ án, ghi âm ghi hình trong hỏi cung, sử dụng dữ liệu điện tử, camera giám sát và các công cụ phân tích dữ liệu góp phần nâng cao hiệu quả phát hiện, điều tra tội phạm, tăng tính minh bạch trong hoạt động tố tụng và hỗ trợ bảo vệ quyền con người (Nguyễn Hòa Bình, 2016), (Chính phủ, 2022), (Quốc hội 2015), (UNODC, 2021). Tuy nhiên, cùng với những lợi ích đó, quá trình chuyển đổi số cũng đặt ra nhiều vấn đề pháp lý và thực tiễn mới liên quan đến việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội.

Thực tiễn cho thấy, trong môi trường số và không gian mạng, nguy cơ xâm phạm nguyên tắc suy đoán vô tội đang diễn ra dưới nhiều hình thức ngày càng phức tạp. Sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và truyền thông số làm gia tăng tình trạng công khai thông tin điều tra chưa được kiểm chứng, tạo nên hiện tượng “xét xử bởi dư luận” hoặc “kết tội truyền thông” trước khi có phán quyết của Tòa án (Trần văn Độ, 2011), (Quốc hội, 2018), (Quốc hội, 2025). Bên cạnh đó, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và thuật toán trong đánh giá hành vi, nhận diện đối tượng hoặc dự báo nguy cơ phạm tội tiềm ẩn nguy

Email: hmlinh@dthu.edu.vn

cơ định kiến thuật toán, dẫn đến sai lệch trong nhận định và đánh giá chứng cứ. Chứng cứ điện tử mặc dù ngày càng phổ biến nhưng vẫn tồn tại nhiều khó khăn trong việc xác thực nguồn gốc, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu và phòng chống hành vi giả mạo công nghệ cao như deepfake hay chỉnh sửa dữ liệu số (Quốc hội, 2023), (UNODC, 2021). Ngoài ra, nguy cơ rò rỉ dữ liệu điều tra, xâm phạm đời tư cá nhân và lạm dụng giám sát số cũng tác động trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản của người bị buộc tội. Trong khi đó, hệ thống pháp luật và năng lực thực thi của các chủ thể tiến hành tố tụng vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để thích ứng với yêu cầu của thời kỳ chuyển đổi số (Bộ Chính trị, 2022), (Bộ Chính trị, 2005), (Chính phủ, 2022). Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong thời kỳ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người và xây dựng nền tư pháp hiện đại, công bằng, minh bạch trong điều kiện phát triển mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và pháp lý

Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc cơ bản và tiến bộ nhất của TTHS hiện đại, phản ánh sâu sắc bản chất dân chủ và nhân đạo của nền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền (Trần Văn Độ, 2011; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; Quốc hội, 2015). Nguyên tắc này khẳng định rằng người bị buộc tội phải được coi là không có tội cho đến khi hành vi phạm tội của họ được chứng minh theo trình tự, thủ tục luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Quốc hội, 2013), (Quốc hội, 2015). Về bản chất, suy đoán vô tội không chỉ là một quy tắc tố tụng đơn thuần mà còn là cơ chế pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ quyền con người, bảo đảm công bằng trong hoạt động tư pháp và hạn chế nguy cơ oan, sai (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; Liên hợp quốc, 1966; Liên Hợp quốc, 1966). Nguyên tắc này đặt ra yêu cầu mọi nghi ngờ về tội phạm nếu không thể làm sáng tỏ theo quy định pháp luật thì phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội. Đồng thời, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, người bị buộc tội không có nghĩa vụ phải chứng minh mình vô tội. Đây là điểm thể hiện rõ tính nhân văn và tư duy pháp lý tiến bộ của nền tư pháp hiện đại, bảo đảm cân bằng giữa quyền lực công và quyền tự do cá nhân.

Về phương diện lý luận, nguyên tắc suy đoán vô tội được hình thành và phát triển gắn liền với tiến trình phát triển của tư tưởng pháp quyền và quyền con người trên thế giới. Trong xã hội phong kiến và các mô hình tố tụng thẩm vấn cổ điển, người bị buộc tội thường bị coi là có tội ngay từ khi bị bắt giữ hoặc khởi tố, dẫn đến tình trạng lạm dụng quyền lực, tra tấn và kết án oan sai. Sự phát triển của tư tưởng khai sáng châu Âu từ thế kỷ XVII - XVIII, đặc biệt là các quan điểm đề cao tự do cá nhân, quyền con người và giới hạn quyền lực nhà nước đã đặt nền móng cho việc hình thành nguyên tắc suy đoán vô tội. Nhiều học giả pháp lý nổi tiếng như Cesare Beccaria hay Montesquieu cho rằng việc kết tội một cá nhân chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở chứng cứ rõ ràng và thông qua một quy trình tố tụng công bằng (Montesquieu, 2006). Từ đó, nguyên tắc suy đoán vô tội dần trở thành chuẩn mực pháp lý phổ quát của nền tư pháp tiến bộ, được thừa nhận rộng rãi trong các điều ước quốc tế và hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong TTHS hiện đại, nguyên tắc suy đoán vô tội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ công lý và quyền con người. Đây là nguyên tắc nền tảng chi phối toàn bộ quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự. Trước hết, nguyên tắc này là cơ sở pháp lý nhằm ngăn chặn việc lạm dụng quyền lực của các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi mọi cá nhân đều được mặc nhiên coi là vô tội cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án thì các hoạt động bắt, giam giữ, điều tra, truy tố phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và được kiểm soát chặt chẽ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Điều này góp phần hạn chế tình trạng ép cung, mớm cung, dùng nhục hình hoặc kết tội chủ quan. Đồng thời, nguyên tắc suy đoán vô tội còn là cơ chế hữu hiệu để phòng ngừa oan, sai trong tố tụng hình sự,

bảo vệ danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản của công dân. Trong trường hợp chứng cứ không đầy đủ hoặc còn tồn tại nghi ngờ hợp lý về hành vi phạm tội thì cơ quan tiến hành tố tụng không được phép kết tội người bị buộc tội.

Nguyên tắc suy đoán vô tội còn có mối quan hệ chặt chẽ với nhiều nguyên tắc cơ bản khác của TTHS như nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử và nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án. Khi người bị buộc tội được coi là vô tội cho đến khi có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật thì họ phải được tạo điều kiện đầy đủ để thực hiện quyền bào chữa, quyền tiếp cận luật sư và quyền trình bày ý kiến nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình. Đồng thời, nguyên tắc này cũng đòi hỏi hoạt động xét xử phải được tiến hành công khai, khách quan, dựa trên kết quả tranh tụng bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Tòa án chỉ được đưa ra phán quyết trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan và hợp pháp các chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, suy đoán vô tội không tồn tại độc lập mà có sự gắn bó mật thiết với toàn bộ cơ chế bảo đảm công bằng tư pháp trong Nhà nước pháp quyền.

Về phương diện pháp lý quốc tế, nguyên tắc suy đoán vô tội đã được ghi nhận là một quyền cơ bản của con người trong nhiều văn kiện quốc tế quan trọng. Điều 11 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định rằng bất kỳ người nào bị buộc tội về hành vi phạm pháp đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội theo pháp luật tại một phiên tòa công khai với đầy đủ bảo đảm cần thiết cho việc bào chữa (Liên hợp quốc, 1948). Tiếp đó, khoản 2 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR) quy định mọi người bị cáo buộc phạm tội hình sự đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm tội theo pháp luật (Liên hợp quốc, 1966). Là quốc gia thành viên của ICCPR, Việt Nam có trách nhiệm nội luật hóa và bảo đảm thực thi các chuẩn mực quốc tế về quyền con người, trong đó có nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc ghi nhận nguyên tắc này trong pháp luật quốc gia không chỉ thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền con người mà còn phản ánh quá trình hội nhập pháp lý quốc tế và xây dựng nền tư pháp hiện đại.

Ở Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận rõ ràng tại khoản 1 Điều 31 Hiến pháp năm 2013 với nội dung: “Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật” (Quốc hội, 2013). Như vậy, nguyên tắc suy đoán vô tội được hiến định một cách đầy đủ, rõ ràng trong, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong nhận thức và bảo đảm quyền con người. Trên cơ sở Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa nguyên tắc này tại Điều 13 với nội dung nhấn mạnh trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và mọi nghi ngờ chưa được làm sáng tỏ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội (Nguyễn Hòa Bình, 2016), Quốc hội, 2015). Các quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm tính khách quan, công bằng trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự.

Bên cạnh các quy định trực tiếp về nguyên tắc suy đoán vô tội, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam còn thiết lập nhiều cơ chế bảo đảm thực hiện nguyên tắc này trên thực tế. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định chặt chẽ về quyền bào chữa của người bị buộc tội, quyền có luật sư tham gia tố tụng, quyền im lặng trong một số trường hợp, cũng như yêu cầu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can đối với các vụ án nghiêm trọng. Đồng thời, pháp luật cũng quy định rõ việc thu thập, đánh giá chứng cứ phải khách quan, toàn diện và hợp pháp; nghiêm cấm sử dụng chứng cứ thu được bằng các biện pháp trái pháp luật. Những quy định này góp phần hạn chế nguy cơ bức cung, nhục hình, ép cung và bảo vệ tốt hơn quyền con người trong TTHS. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số hiện nay, nguyên tắc suy đoán vô tội càng có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng xây dựng nền tư pháp số hiện đại, minh bạch nhưng vẫn bảo đảm tôn trọng quyền con người và các giá trị cốt lõi của công lý.

2.2. Tác động của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đến việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước (Bộ Chính trị, 2022; Chính phủ, 2022), (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Ở Việt Nam, chủ trương phát triển chuyển đổi số quốc gia được xác định là nhiệm vụ chiến lược nhằm xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, hướng tới nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Quá trình này đang tác động trực tiếp đến lĩnh vực tư pháp hình sự thông qua việc AI, Big Data, điện toán đám mây, công nghệ sinh trắc học, dữ liệu điện tử và các nền tảng số trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Mô hình “tư pháp số”, “tòa án điện tử”, “hồ sơ vụ án điện tử” và “điều tra số” đang trở thành xu hướng tất yếu nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng tiếp cận công lý của người dân (Bộ Chính trị, 2005; Chính phủ, 2022). Trong bối cảnh đó, nguyên tắc suy đoán vô tội với tư cách là nguyên tắc nền tảng của TTHS hiện đại cũng chịu sự tác động sâu sắc cả về phương diện tích cực lẫn những rủi ro, thách thức mới phát sinh trong môi trường số.

Việt Nam đã từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ chế thực thi nhằm bảo đảm tốt hơn nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS (Quốc hội, 2013; Quốc hội 2015). Việc Hiến pháp năm 2013 chính thức ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cụ thể hóa nguyên tắc này đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp. Cùng với quá trình cải cách tư pháp và chuyển đổi số quốc gia, nhiều giải pháp công nghệ đã được triển khai trong hoạt động tố tụng như số hóa hồ sơ vụ án, xây dựng cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, ứng dụng phần mềm quản lý tố tụng, triển khai hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can và tăng cường sử dụng dữ liệu điện tử trong chứng minh tội phạm (Nguyễn Hòa Bình, 2016; Quốc hội 2015). Những thay đổi này góp phần nâng cao tính minh bạch, khách quan của hoạt động điều tra, truy tố và xét xử, đồng thời hạn chế nguy cơ bức cung, nhục hình hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ án. Trong nhiều trường hợp, dữ liệu điện tử từ camera giám sát, thiết bị định vị hoặc giao dịch điện tử đã trở thành nguồn chứng cứ quan trọng giúp xác định sự thật khách quan của vụ án và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội (Quốc hội, 2015; Quốc hội, 2023; UNODC, 2021).

Bên cạnh đó, nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng về yêu cầu bảo đảm quyền con người và nguyên tắc suy đoán vô tội trong điều kiện phát triển mới ngày càng được nâng cao. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động tư pháp đã hỗ trợ tích cực cho công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng, tăng khả năng lưu trữ và truy xuất dữ liệu, giảm thiểu nguy cơ thất lạc hoặc chỉnh sửa tài liệu trái pháp luật. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điều tra số, an ninh mạng và chứng cứ điện tử cũng từng bước được chú trọng nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán (UNODC, 2021). Đồng thời, quá trình hội nhập quốc tế và tiếp cận các chuẩn mực pháp lý hiện đại về quyền con người đã tạo điều kiện để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ người bị buộc tội theo hướng dân chủ, minh bạch và phù hợp với xu thế phát triển của nền tư pháp hiện đại.

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, bối cảnh đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng đã và đang đặt ra không ít thách thức đối với việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự:

Thứ nhất, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và truyền thông số đang làm gia tăng nguy cơ “kết tội truyền thông” trước khi có phán quyết của Tòa án (Trần Văn Độ, 2011; Quốc hội, 2018; UNODC, 2021). Nhiều thông tin liên quan đến vụ án hình sự được lan truyền rộng rãi trên không gian mạng khi chưa được kiểm chứng đầy đủ, tạo nên áp lực dư luận đối với cơ quan tiến hành tố tụng, không chỉ ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình giải quyết vụ án mà còn xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm và quyền con người của người bị buộc tội.

Thứ hai, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các hệ thống thuật toán trong hoạt động TTHS tiềm ẩn

nguy cơ xuất hiện định kiến công nghệ và sai lệch trong đánh giá chứng cứ (Quốc hội, 2023; UNODC, 2021). Các hệ thống AI hoạt động dựa trên dữ liệu đầu vào và thuật toán lập trình nên nếu dữ liệu thiếu khách quan hoặc mang định kiến xã hội thì kết quả phân tích có thể dẫn đến nhận định sai lệch về cá nhân bị buộc tội.

Thứ ba, chứng cứ điện tử ngày càng phổ biến nhưng việc kiểm tra tính xác thực, tính toàn vẹn và nguồn gốc dữ liệu vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn tố tụng. Sự phát triển của công nghệ deepfake, chỉnh sửa hình ảnh, âm thanh và dữ liệu số khiến nguy cơ xuất hiện chứng cứ giả mạo ngày càng tinh vi và khó phát hiện. Nếu thiếu cơ chế kiểm định chặt chẽ và năng lực chuyên môn phù hợp, việc đánh giá sai lệch chứng cứ điện tử có thể dẫn đến nguy cơ kết án oan hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, quá trình chuyển đổi số làm gia tăng nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư và rò rỉ dữ liệu tố tụng của người bị buộc tội (Chính phủ, 2025; Quốc hội, 2025). Việc thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu điện tử trên môi trường số nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể dẫn đến lộ lọt thông tin cá nhân hoặc tài liệu điều tra chưa được phép công bố.

Thứ năm, năng lực số và điều kiện hạ tầng công nghệ của các cơ quan tiến hành tố tụng hiện nay vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển của tư pháp số. Một bộ phận cán bộ tiến hành tố tụng còn hạn chế về kỹ năng điều tra số, giám định dữ liệu điện tử và khả năng ứng dụng công nghệ trong hoạt động chuyên môn. Trong khi đó, sự thiếu đồng bộ về cơ sở dữ liệu và trang thiết bị kỹ thuật cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả bảo đảm tính khách quan, minh bạch và chính xác của hoạt động TTHS trong thời kỳ chuyển đổi số quốc gia.

2.3. Giải pháp bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong thời kỳ đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang tác động ngày càng sâu rộng đến hoạt động TTHS, việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng nền tư pháp hiện đại, minh bạch và bảo vệ quyền con người. Vì vậy, để bảo đảm thực chất nguyên tắc suy đoán vô tội trong thời kỳ chuyển đổi số quốc gia, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp trọng tâm sau:

2.3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tố tụng hình sự và tư pháp số

Việc hoàn thiện pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm tạo nền tảng pháp lý đầy đủ cho bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong môi trường số. Cần tiếp tục rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan đến chứng cứ điện tử, dữ liệu số và hoạt động thu thập, bảo quản, đánh giá dữ liệu điện tử trong TTHS theo hướng chặt chẽ, thống nhất và phù hợp với sự phát triển của công nghệ. Các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo mật thông tin tố tụng và xử lý hành vi phát tán trái phép thông tin vụ án trên không gian mạng cũng cần được hoàn thiện để hạn chế nguy cơ xâm phạm quyền con người. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng được ứng dụng rộng rãi, cần xây dựng cơ chế pháp lý kiểm soát việc sử dụng AI trong hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả năng giải trình và trách nhiệm pháp lý đối với các quyết định có sử dụng công nghệ hỗ trợ. Cùng với đó, pháp luật cần quy định rõ hơn về trách nhiệm cung cấp thông tin vụ án, tránh tình trạng “xét xử bởi dư luận” khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3.2. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển hạ tầng tư pháp số hiện đại, đồng bộ và an toàn

Xây dựng hạ tầng tư pháp số hiện đại là điều kiện cần thiết để nâng cao tính minh bạch, khách quan và hiệu quả của hoạt động TTHS. Cần tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu tư pháp điện tử thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án và cơ quan thi hành án. Việc số hóa hồ sơ vụ án, triển khai phần mềm quản lý tố tụng và hệ thống ghi âm, ghi hình có âm thanh trong hoạt động hỏi cung cần được thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn quốc nhằm tăng cường khả năng kiểm tra, giám sát hoạt động tố tụng. Cùng với quá trình đó, cần quan tâm đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ điều tra số, giám định dữ liệu điện tử và kiểm định chứng cứ

số để bảo đảm tính chính xác trong quá trình chứng minh tội phạm. Trong điều kiện các nguy cơ tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu ngày càng gia tăng, việc xây dựng hệ thống bảo mật dữ liệu tổ tụng và an ninh mạng đủ mạnh là yêu cầu không thể thiếu. Các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu điện tử cũng cần được chuẩn hóa nhằm bảo đảm khả năng kiểm tra, đối chiếu và truy xuất thông tin khi cần thiết.

2.3.3. Tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng và nâng cao trách nhiệm truyền thông tư pháp

Trong môi trường truyền thông số hiện nay, việc kiểm soát thông tin liên quan đến các vụ án hình sự có vai trò rất quan trọng đối với bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội. Cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng với cơ quan quản lý báo chí, truyền thông và các nền tảng mạng xã hội trong việc cung cấp, kiểm soát và xử lý thông tin liên quan đến vụ án hình sự. Các hành vi đăng tải, chia sẻ hoặc bình luận thông tin mang tính quy kết tội phạm khi chưa có bản án có hiệu lực pháp luật cần được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Song song với đó, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hành vi phát tán thông tin sai lệch, xuyên tạc hoặc xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người bị buộc tội trên không gian mạng cần được tăng cường hơn nữa. Việc xây dựng cơ chế truyền thông tư pháp phù hợp cũng rất cần thiết nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của xã hội nhưng vẫn giữ được tính khách quan của hoạt động tố tụng. Đối với đội ngũ nhà báo, người làm nội dung số và quản trị nền tảng mạng xã hội, cần nâng cao trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội khi đưa tin về các vụ án hình sự.

2.3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tư pháp số đáp ứng yêu cầu của nền tư pháp hiện đại

Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về điều tra số, an ninh mạng, chứng cứ điện tử và trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và luật sư. Việc xây dựng đội ngũ chuyên gia kỹ thuật số và giám định dữ liệu điện tử có trình độ chuyên môn cao cũng là yêu cầu cấp thiết nhằm hỗ trợ hoạt động tố tụng trong các vụ án sử dụng công nghệ cao. Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, cần tăng cường bồi dưỡng nhận thức về quyền con người, quyền công dân và yêu cầu bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong môi trường số cho các chủ thể tiến hành tố tụng. Chương trình đào tạo pháp luật hiện nay cũng cần được đổi mới theo hướng tăng cường kiến thức liên ngành giữa luật học, công nghệ thông tin và an ninh mạng để đáp ứng yêu cầu của nền tư pháp hiện đại. Cùng với đó, cần tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát trách nhiệm nghề nghiệp của người tiến hành tố tụng trong quá trình ứng dụng công nghệ nhằm bảo đảm tính khách quan, minh bạch và đúng pháp luật trong hoạt động tư pháp hình sự.

2.3.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về tư pháp số và bảo vệ quyền con người

Việt Nam cần chủ động nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về quản lý dữ liệu số, kiểm soát trí tuệ nhân tạo và bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp hiện đại. Việc mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan thực thi pháp luật và cơ sở nghiên cứu nước ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ phục vụ điều tra số, giám định dữ liệu điện tử và bảo mật thông tin tư pháp. Trong bối cảnh tội phạm công nghệ cao và tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng, việc tăng cường phối hợp quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và bảo vệ an ninh mạng là yêu cầu cấp thiết. Tham gia các diễn đàn quốc tế về đạo đức AI, quản trị dữ liệu và tư pháp số cũng giúp Việt Nam cập nhật kịp thời các xu hướng phát triển mới để hoàn thiện chính sách pháp luật trong nước. Hoạt động trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn giữa các cơ sở đào tạo luật và cơ quan tư pháp của Việt Nam với các quốc gia có nền tư pháp phát triển cũng cần được đẩy mạnh hơn nữa. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực quản trị tư pháp số, bảo vệ quyền con người và bảo đảm hiệu quả thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy rằng việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong thời kỳ đột phá phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia không chỉ là yêu cầu của cải cách tư pháp mà còn là điều kiện quan trọng để xây dựng nền tư pháp hiện đại, dân chủ và nhân văn (Trần Văn Độ, 2011), (Quốc hội, 2015). Trong bối cảnh công nghệ số ngày càng tham gia sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, hoạt động TTHS cần được vận hành trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ với yêu cầu bảo vệ quyền con người và kiểm soát quyền lực nhà nước. Việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội không thể chỉ dừng lại ở các quy định mang tính hình thức mà cần được thể hiện thực chất trong toàn bộ quá trình điều tra, truy tố, xét xử và cung cấp thông tin trên môi trường số. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc củng cố niềm tin của xã hội đối với nền tư pháp, bảo vệ danh dự, nhân phẩm và các quyền cơ bản của công dân trước nguy cơ bị xâm hại trong không gian mạng. Đồng thời, đây cũng là yêu cầu tất yếu để bảo đảm sự phát triển bền vững của nền tư pháp số trong điều kiện hội nhập quốc tế và chuyển đổi số toàn diện hiện nay. Trong tương lai, cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ tiếp tục giữ vai trò là “hàng rào pháp lý” quan trọng nhằm bảo vệ công lý, hạn chế oan, sai và khẳng định giá trị nhân văn của nền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2005). *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
- Ban Chấp hành Trung ương. (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Chính phủ. (2022). *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022–2025, tầm nhìn đến năm 2030*.
- Chính phủ. (2025). *Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. (2021). *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*. NXB Lý luận chính trị.
- Liên hợp quốc. (1948). *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR)*.
- Liên hợp quốc. (1966). *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)*.
- Montesquieu. (2006). *Bàn về tinh thần pháp luật* (Hoàng Thanh Đạm dịch). NXB Lý luận chính trị.
- Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên). (2016). *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Ban hành ngày 28/11/2013.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Hình sự*. Luật số 100/2015/QH13, ngày 27/11/2015.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Tố tụng hình sự*. Luật số 101/2015/QH13, ngày 27/11/2015.
- Quốc hội. (2018). *Luật An ninh mạng*. Luật số 24/2018/QH14, ngày 12/06/2018.
- Quốc hội. (2023). *Luật Giao dịch điện tử*. Luật số 20/2023/QH15, ngày 22/06/2023.
- Quốc hội. (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15, ngày 26/06/2025.
- Trần Văn Độ. (2011). Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự. *Tạp chí Kiểm sát*, 13, 3-9.
- UNODC. (2021). *Handbook on digital evidence and electronic evidence in criminal investigations*. United Nations Office on Drugs and Crime.